

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày: 18/02/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy

2. Bà Mai Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Định –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/1/2025 và ngày 18/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 715/2024/DSST ngày 29/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 795/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4/2025/QĐST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X; Địa chỉ: Tầng H Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ hoặc bà Trần Việt Vũ H (theo Giấy ủy quyền số 379/2024/EIB-PMH/UQ-GĐ ngày 21/10/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh L; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số A, Huỳnh Tấn P, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/12/2021, ông Trần Thanh L ký với Ngân hàng TMCP X (E) Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế. Theo đó E đã cấp cho Ông Trần Thanh L hạn mức tín dụng cụ thể như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng: 10.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng: Tiêu dùng cá nhân
- Thời hạn sử dụng thẻ: 5 tháng;
- Hạn mức rút tiền mặt: 5.000.000 đồng.
- Hình thức đảm bảo: Không tài sản đảm bảo;
- Phí tài chính: Theo quy định của E
- Lịch trả nợ: Theo quy định của E;
- Lãi suất cho vay là 33%/năm

Tháng 05/2022, ông Trần Thanh L thỏa điều kiện gia hạn thẻ tự động nên được gia hạn phát hành thẻ mới, hiệu lực đến tháng 05/2023.

Quá trình sử dụng từ tháng 12/2021 đến tháng 09/2023, ông L đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt 4.700.000 đồng và thanh toán hóa đơn là 9.343.693 đồng, tổng số tiền là 14.043.693 đồng. Ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.959.553 đồng.

Quá trình thực hiện Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế trên, ông Trần Thanh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đã ký kết, khoản nợ thẻ của ông Trần Thanh L quá hạn và chuyển nợ quá hạn ngày 09/10/2023. Tại thời điểm khách hàng chuyển nợ quá hạn thì ngân hàng sẽ tự động khóa thẻ của khách hàng cho đến khi khách hàng thanh toán hết dư nợ thẻ tín dụng. Ngày 08/01/2024 khoản nợ thẻ tín dụng chuyển thành nợ xấu.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 21/01/2025, ông L còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 7.948.396 đồng, nợ lãi: 3.711.117 đồng, phí thường niên năm 2024 là 400.000 đồng, tổng cộng: 12.059.513 đồng. Cách tính lãi, phí thẻ quá hạn theo nguyên tắc: lãi vay = dư nợ gốc x lãi suất năm/cơ sở năm thời gian tính lãi; khách hàng phải thanh

toán phí phát sinh trong năm đầu tiên quá hạn (nếu có) và ngân hàng không tính lãi đối với các loại phí phát sinh.

Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng X yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông Trần Thanh L thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2025 là: Nợ gốc: 7.948.396 đồng, nợ lãi: 3.711.117 đồng, phí thường niên năm 2024 là 400.000 đồng, tổng cộng: 12.059.513 đồng.

Nếu ông Trần Thanh L chậm thi hành án, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất và mức phí trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Trần Thanh L: Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, ông L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L thanh toán số tiền nợ là 11.850.727, trong đó số nợ gốc: 7.948.396 đồng, nợ lãi: 3.912.331 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền phí thường niên năm 2024.

Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Trần Thanh L phải trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 22/12/2021, nên đây là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Quận G, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không trình bày ý kiến, tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng được ký giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức đúng quy định của pháp luật, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết nên phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 12 của Luật Ngân hàng N năm 2010, do đó các văn bản trên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3.2] Về nội dung hợp đồng: Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế được ký giữa Ngân hàng và ông Trần Thanh L ngày 22/12/2021 có cơ sở xác định, E đã cấp cho ông Trần Thanh

L thẻ Visa vàng với hạn mức 10.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 33%/năm. Quá trình sử dụng từ tháng 12/2021 đến tháng 09/2023 ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.043.693 đồng. Ông L đã thanh toán cho E số tiền gốc và lãi là 11.959.553 đồng.

[3.3] Về tiền nợ gốc và lãi: Nhận thấy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 7 của bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế có hiệu lực ngày 25/12/2020, nên ngày 09/10/2023 E chuyển khoản nợ thẻ tín dụng (bao gồm nợ gốc, nợ lãi) thành nợ thành quá hạn và khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi là phù hợp với nội dung Hợp đồng các bên đã ký và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định nên có cơ sở chấp nhận.

Theo hợp đồng các bên đã ký, cách tính lãi được xác định: lãi vay = dư nợ gốc x 33% (lãi suất năm)/cơ sở năm thời gian tính lãi. Như vậy, tính đến ngày 18/02/2025, ông L phải có nghĩa vụ trả cho E các khoản sau: Nợ gốc: 7.948.396 đồng, nợ lãi: 3.912.331 đồng, tổng cộng: 11.860.727 đồng. Ông Trần Thanh L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 19/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3.4]. Về tiền phí thường niên năm 2024: Căn cứ Đơn khởi kiện, Đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, B tự khai và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ngày 09/10/2023 E đã chuyển nợ quá hạn và khóa thẻ của khách hàng. Theo quy định của Ngân hàng phí thường niên là phí để duy trì thẻ, nhưng từ ngày 09/10/2023, Ngân hàng E đã khóa thẻ tín dụng nhưng vẫn yêu cầu bị đơn trả phí thường niên năm 2024 là không phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải trả phí thường niên năm 2024.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn – ông Trần Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 466, Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Thanh L phải có nghĩa vụ trả cho E số tiền nợ đến ngày 18/02/2025 là 11.860.727 đồng (*Mười một triệu tám trăm sáu mươi nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*). Bao gồm nợ gốc: 7.948.396 đồng (*Bảy triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng*), nợ lãi: 3.912.331 đồng (*Ba triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế được ký giữa Ngân hàng và ông Trần Thanh L ngày 22/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) phí thường niên năm 2024.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 593.036 đồng (*Năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm ba mươi sáu đồng*). E chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00336600 ngày 29/10/2024 Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, E đã nộp đủ án phí.

[4]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Định).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuật